

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TIN HỌC VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG**

*(được sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý và thông qua tại
Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014)*

Hà Nội, 4/2014

ĐIỀU LỆ

Công ty Cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng

*(đã được sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý và thông qua tại
Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014)*

Những căn cứ pháp lý để xây dựng Điều lệ :

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.
- Quyết định số 1765/QĐ-BXD ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Tin học Xây dựng thành Công ty cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng; và các quyết định có liên quan.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Giải thích từ ngữ :

Trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
- *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, có nội dung được kê khai đúng và đủ theo quy định của pháp luật.
- *Góp vốn* là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong Điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành vốn của công ty.
- *Phần vốn góp* là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ.
- *Vốn điều lệ* là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.
- *Vốn có quyền biểu quyết* là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của công ty cổ phần. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của công ty cổ phần.
- *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Điều lệ công ty quy định.
- *Người đại diện theo uỷ quyền* là cá nhân được thành viên, cổ đông là tổ chức của công ty cổ phần uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- *Tổ chức lại doanh nghiệp* là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi doanh nghiệp.

- *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây :
 - a- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
 - b- Công ty con đối với công ty mẹ;
 - c- Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d- Người quản lý doanh nghiệp;
 - e- Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối;
 - f- Cá nhân được uỷ quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này ;
 - g- Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó ;
 - h- Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để đầu tư góp vốn, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- *Phần vốn góp sở hữu nhà nước* : là phần vốn góp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác của Nhà nước do một cơ quan nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm đại diện chủ sở hữu.
- *Cổ phần sở hữu nhà nước* : là cổ phần được thanh toán bằng vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác của Nhà nước do một cơ quan nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm đại diện chủ sở hữu.
- *Pháp nhân và thể nhân* : pháp nhân là người đại diện cho cơ quan, tổ chức; thể nhân là người đại diện cho cá nhân;
- *Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần* là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.
- *Quốc tịch của doanh nghiệp* là quốc tịch của nước, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp thành lập, đăng ký kinh doanh.
- *Địa chỉ thường trú* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức, địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên hệ.

Điều 2 : Tên Công ty và hình thức :

2.1. Tên Công ty :

- Tên tiếng Việt : **Công ty cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng.**

- Tên giao dịch quốc tế : CONSTRUCTION INFORMATICS & Consultancy joint - stock company.

- Tên viết tắt : CIC

2.2. Hình thức : Công ty cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng (sau đây viết tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức giữ lại một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp và phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn để phát triển doanh nghiệp.

Điều 3 : Trụ sở, phạm vi hoạt động :

3.1. Trụ sở chính : Toà nhà CIC - CDC, 37 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành
Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 04 – 39 761 381/ 39 741 313

Fax. : 04 – 38 216 793

Email : info@cic.com.vn

Website : www.cic.com.vn

3.2. Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh: 36 Nguyễn Huy Lượng - Phường 14 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 - 62 899 022

Fax : 08 - 62 899 033

Email : cichcm@cic.com.vn

3.3. Phạm vi hoạt động của Công ty : Trên địa bàn cả nước và nước ngoài.

Điều 4 : Mục tiêu, nội dung kinh doanh :

4.1. Mục tiêu kinh doanh của Công ty: Nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, góp phần phát triển chuyên ngành Tin học và Tư vấn xây dựng đạt trình độ khu vực và quốc tế.

4.2. Nội dung kinh doanh : Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

- Sản xuất, phát triển, khai thác và cung cấp sản phẩm phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ quản lý, kinh tế, kỹ thuật;
- Cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử và các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, đại lý và cung cấp thiết bị tin học - viễn thông, thiết bị thí nghiệm và các thiết bị công nghệ khác;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin và các ứng dụng công nghệ khác. Biên soạn và cung cấp tài liệu, tư liệu về công nghệ thông tin và các tài liệu khoa học công nghệ khác;
- Tổ chức đào tạo về tư vấn xây dựng ;
- Thi công lắp đặt các hệ thống thiết bị tin học, bưu chính viễn thông, điện lạnh, hệ thống điều khiển trong công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông và bảo vệ môi trường;
- Lập dự án đầu tư ; thiết kế kỹ thuật và lập tổng dự toán; thẩm tra và quản lý chất lượng dự án đầu tư về công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông;
- Tư vấn xây dựng các công trình xây dựng dân dụng; công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường gồm: Lập và thẩm tra dự án đầu tư, khảo sát địa hình, địa chất và đo đạc; quy hoạch khu dân cư, khu chức năng đô thị và khu công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; lập và thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình; lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ về lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công, thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị, thi tuyển phương án kiến trúc; giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị; tổng thầu tư vấn; quản lý dự án; kiểm định, kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghệ thông tin, công trình bảo vệ môi trường ;
- Dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng làm việc;
- Xây dựng dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch;
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.

4.3. Ngoài các nội dung ngành nghề kinh doanh trên, trong quá trình hoạt động Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5 : Tư cách pháp nhân của Công ty :

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hoạt động của Công ty theo Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Công ty có con dấu riêng, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập. Được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 6 : Nguyên tắc tổ chức, quản lý điều hành của Công ty :

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty trên cơ sở những nguyên tắc sau :

6.1. Tự nguyện, cùng có lợi, dân chủ, bình đẳng và tuân thủ pháp luật.

- 6.2. Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- 6.3. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản lý của Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
- 6.4. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban Kiểm soát (BKS) để kiểm soát hoạt động kinh doanh, công tác quản lý và điều hành Công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.
- 6.5. HDQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc để điều hành hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước HDQT về quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc.

Điều 7 : Thời gian hoạt động của Công ty:

- 7.1. Thời gian hoạt động của Công ty cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng bắt đầu từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 7.2. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8 : Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác trong Công ty:

- 8.1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các Hội nghề nghiệp và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.
- 8.2 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 9 : Quyền hạn của Công ty:

- 9.1. Được tự chủ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và áp dụng các phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
- 9.2. Được tự chủ về tài chính, chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh. Được lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- 9.3. Xác định mô hình tổ chức sản xuất phù hợp với mục tiêu, nội dung kinh doanh. Được thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện ở các địa phương trong nước và ở nước ngoài.
- 9.4. Tự chủ đổi mới công nghệ, thiết bị, mở rộng đầu tư, liên doanh, liên kết để phát triển phù hợp với mục tiêu, nội dung kinh doanh.
- 9.5. Được quyền bảo vệ về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật. Được tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn hình thức trả lương, trả thưởng trên cơ sở năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác của người lao động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty có các quyền của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các quy định khác của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 9.6. Được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- 9.7. Công ty được từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
- 9.8. Công ty được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10 : Nghĩa vụ của Công ty:

- 10.1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký.
- 10.2. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn góp của cổ đông.
- 10.3. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường và khả năng của Công ty, tổ chức thực hiện chiến lược và kế hoạch để ra đạt kết quả cao nhất.
- 10.4. ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn.
- 10.5. Lập sổ kê kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
- 10.6. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- 10.7. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định của Pháp luật.
- 10.8. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo thì phải kịp hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- 10.9. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
- 10.10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 11 : Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty:

- 11.1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây :
- 11.1.1. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý nội bộ công ty; sổ đăng ký cổ đông;
 - 11.1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận bản quyền sản phẩm phần mềm; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.
 - 11.1.3. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty.
 - 11.1.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định của Công ty.
 - 11.1.5. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán.
 - 11.1.6. Báo cáo của Ban kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra; kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
 - 11.1.7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
 - 11.1.8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
- 11.2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 11.1 điều này tại trụ sở chính; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Mục 1 : Vốn

Điều 12 : Vốn điều lệ :

- 12.1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được quy đổi theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.
- 12.2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là : 4.900.000.000đ (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng chẵn) .
- Số cổ phần: 490.000 (*Bốn trăm chín mươi nghìn*)
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng Việt Nam (*Mười nghìn đồng chẵn*).
- 12.3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh sau :

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
- 12.4. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 12.5. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác không trái với pháp luật).

Mục 2 : Cổ phần, cổ phiếu

Điều 13 : Cổ phần, cổ phiếu:

13.1. Vốn điều lệ Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu.

Công ty phát hành cổ phần phổ thông (dưới đây gọi tắt là cổ phần). Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông (dưới đây gọi tắt là cổ đông).

13.2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 490.000 cổ phần, mỗi cổ phần trị giá 10.000 đồng Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty có nhiều loại mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng 10.000 đồng. Mỗi cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

Điều 14 : Hình thức cổ phiếu:

14.1. Cổ phiếu của Công ty là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của cổ đông được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính quy định.

14.2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau :

- Tên, trụ sở Công ty.
- Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
- Tên cổ đông đối với cổ phiếu có ghi danh.
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

- Sổ đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

14.3. Công ty phát hành 2 loại cổ phiếu :

14.3.1. Cổ phiếu ghi danh :

Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu có ghi tên người chủ sở hữu tờ cổ phiếu, cổ phiếu ghi danh cấp cho các cổ đông là :

- Chủ sở hữu là Nhà nước
- Thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Ban kiểm soát
- Chủ sở hữu cổ phần được mua ưu đãi.

14.3.2. Cổ phiếu không ghi danh :

- Là cổ phiếu cấp cho các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định tại khoản 14.3.1. nêu trên.
- Là cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ.
- Là cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định của điều lệ công ty.

14.3.3. Nếu cổ phiếu bị rách, hư hỏng hay mất có thể xin cấp lại cổ phiếu nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải trả phí do công ty quy định.

Điều 15 : Sổ đăng ký cổ đông:

Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông là tập văn bản và tập dữ liệu điện tử.

Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :

- Tên, trụ sở Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ;
- Tổng số cổ phần đã bán và giá trị cổ phần đã góp ;
- Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông; ngày, tháng, năm đăng ký cổ phần.

Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.

Điều 16 : Chào bán và chuyển nhượng cổ phần :

16.1. Hội đồng quản trị quyết định chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây :

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
 - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh được pháp luật thừa nhận. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
- 16.2. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ các thông tin về tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần, ngày tháng đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông thì kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 16.3. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, việc ghi các thông tin về tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, ngày tháng đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông là đủ chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 16.4. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.
- 16.5. Cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty.
- 16.6. Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh được thực hiện theo quy định :
- Đối với cổ phiếu của Nhà nước chỉ được chuyển nhượng theo quy định Luật Doanh nghiệp.
 - Đối với cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm và trong thời gian 2 năm sau khi thôi giữ các chức danh trên không được chuyển nhượng (Trừ hoàn cảnh đặc biệt được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận).
- 16.7. Cổ phiếu không ghi danh được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ công ty. Việc chuyển nhượng cổ phiếu cho người ngoài Công ty phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị trước 01 tháng.
- 16.8. Trong trường hợp Pháp luật cho phép, cổ đông Công ty có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty.

Điều 17 : Thừa kế cổ phần:

- 17.1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất :

- Người hoặc những người thừa kế hợp pháp theo luật định và được cơ quan Pháp luật có thẩm quyền xác nhận.
 - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.
- 17.2. Người hoặc những người thừa kế hợp pháp nếu đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế sau khi vào sổ đăng ký cổ đông sẽ trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 18 : Phát hành thêm cổ phiếu:

- 18.1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định theo điều lệ của Công ty.
- 18.2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 19 : Phát hành trái phiếu :

- 19.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật.
- 19.2. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 20 : Mua cổ phiếu, trái phiếu :

Cổ phiếu, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác được quy thành tiền đồng Việt Nam tại thời điểm mua cổ phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 21 : Mua lại cổ phần :

- 21.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông :
- 21.1.1. Cổ đông biểu quyết phản đối về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, giá trị dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề nêu trên.
- 21.1.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 21.1.1 điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định của Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày

nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu trọng tài hoặc Toà án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

21.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá **30%** tổng số cổ phần đã bán theo quy định sau đây :

- 21.2.1. Việc mua lại hơn 20% tổng số cổ phần đã bán do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
- 21.2.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại cổ phần không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.2.3 điều này.
- 21.2.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 22 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- 22.1. Công ty chỉ chuyển quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 21 của Điều lệ, nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- 22.2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại điều 21 của Điều lệ công ty được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
- 22.3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 23 : Trả cổ tức:

- 23.1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

- 23.2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông nhận được cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
- 23.3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 24 : Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức:

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại điều 22 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với điều 23 của Điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc số tài sản khác đã nhận ; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Mục 3 - Cổ đông

Điều 25 : Quy định chung về cổ đông:

- 25.1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.
- 25.2. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đóng góp của mình vào Công ty.
- 25.3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc đã đóng và có cam kết đóng đủ tiền trong thời hạn quy định và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ lại công ty.
- 25.4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty ;
- 25.4.1. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân :
- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty do Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam cử.
 - Người đại diện phần vốn của pháp nhân tại Công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện phần vốn của pháp nhân tại Công ty. Những người được uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền cho người khác.

- 25.4.2. Cổ đông là thể nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty.

- 25.4.3. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
- 25.4.4. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
- 25.4.5. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân có thay đổi về tổ chức : được tách, sát nhập, hợp nhất thì cổ đông pháp nhân này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc tách, sát nhập, hợp nhất để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này có thể được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 26 : Quyền lợi của cổ đông:

- 26.1. Được tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26.10 và 32.2.3 của Điều lệ và được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết ;
- 26.2. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;
- 26.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty.
- 26.4. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.
- 26.5. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh v.v...)
- 26.6. Được chia tài sản còn lại (nếu có), khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các khoản nợ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- 26.7. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- 26.8. Được yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình như quy định tại Điều 21 của Điều lệ công ty.
- 26.9. Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 1% vốn điều lệ trở lên được ứng

cử, đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 3% vốn điều lệ trở lên hoặc thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 0,4% vốn điều lệ trở lên được ứng cử, đề cử vào thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

26.10. Cổ đông của Công ty được :

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp; được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

26.11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi :

- Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính;
- Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động kinh doanh;
- Có dấu hiệu về tham nhũng hoặc có ý gây thiệt hại cho Công ty của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Điều 27 : Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông:

27.1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

27.2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.

27.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

27.4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

27.5. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây :

27.5.1. Vi phạm pháp luật ;

27.5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

27.5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Chương IV

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 28 : Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty:

Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Điều 29 : Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết theo quy định tại các Điều 26.10, Điều 33.2.2 là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

29.1- Các Đại hội đồng cổ đông

29.1.1- Đại hội đồng cổ đông thành lập : Là Đại hội lần đầu tiên được tổ chức thành lập Công ty. Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ : Thảo luận và thông qua Điều lệ; Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; Thông qua phương án sản xuất kinh doanh.

29.1.2- Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời gian **tối đa 120 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

29.1.3- Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường, ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề phát sinh đó theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị.
- Trưởng Ban kiểm soát hoặc 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

29.2- Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau :

- 29.2-1. Quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm ;
- 29.2-2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.
- 29.2-3. ấn định mức thù lao và các quyền lợi của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ;
- 29.2-4. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty ;
- 29.2-5. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty ;
- 29.2-6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty nếu được số cổ đông sở hữu từ 75% cổ phần trở lên có mặt chấp thuận;
- 29.2-7. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định của Điều lệ Công ty.
- 29.2-8. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban Kiểm soát và các kiểm toán viên;
- 29.2-9. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ ;
- 29.2-10. Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- 29.2-11. Quyết định phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới ;
- 29.2-12. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 30 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

- 30.1- Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần.
- 30.2- Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp :
 - 30.2.1- Theo quyết định của Hội đồng quản trị ;
 - 30.2.2- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ trong thời hạn ít nhất 6 tháng hoặc Ban Kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ người quản lý quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác theo quy định tại điều 26.11 và 29.1.3 của Điều lệ này.
- 30.3- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại khoản 30.2.2 của điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì chậm nhất 15 ngày sau đó Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại khoản 30.2.2. điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn trả.

- 30.4- Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật về Điều lệ công ty.

Điều 31 : Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- 31.1- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.2- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần của từng cổ đông.
- 31.3- Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.4- Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 0,1% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền xem danh sách cổ đông có quyền họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.5- Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32 : Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

- 32.1- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
- 32.2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được

gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

32.3- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 32.2 điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

32.3.1- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

32.3.2- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33 : Thể thức triệu tập và tiến hành các Đại hội đồng cổ đông:

33.1- Mời họp Đại hội đồng cổ đông :

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc.

Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

33.2- Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

33.2.1- Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản theo mẫu quy định cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền phải trình giấy uỷ quyền cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.

Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

33.2.2- Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thành lập, thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và đại diện hợp pháp vốn điều lệ trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng.

33.2.3- Trong trường hợp bên uỷ quyền là pháp nhân thì văn bản uỷ quyền phải được Thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.

33.2.4- Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

33.2.5- Người uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị.

33.3- Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

33.3.1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **75%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại điểm 33.1 điều này.

33.3.2- Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi tên cổ đông, số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).

33.3.3- Đại hội đồng thường niên hoặc Đại hội đồng bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ nhiệm cho một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ toạ. Đại hội đồng cổ đông thành lập thì đại diện phần vốn Nhà nước làm chủ toạ. Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát đề nghị thì Trưởng Ban Kiểm soát làm chủ toạ.

33.3.4- Đại hội bầu thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.

Điều 34 : Thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

34.1. Ngoài các quy định như tại Điều 37.1 và 55.2 thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi :

34.1.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

34.1.2. Đối với quyết định về số lượng cổ phần được quyền chào bán; sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty ; tổ chức lại giải thể Công ty ; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

34.2- Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản:

Trường hợp thông qua thư tín hoặc fax, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất từ 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tiến hành các công việc sau:

- Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến.
- Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ.
- Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu hỏi ý kiến, thông báo kết quả và các nội dung hỏi ý kiến đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày.

34.3. Việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được tiến hành đối với bất cứ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết.

34.4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo tới cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thời gian 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 35: Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

35.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình làm việc;
- Chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; số phiếu chấp thuận, số phiếu trống và số phiếu trắng; các vấn đề thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

35.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

35.3. Trừ những người theo quy định của pháp luật đương nhiên có quyền xem sổ Biên bản, những người khác muốn xem sổ Biên bản phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 36: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

36.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

36.2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 37 : Hội đồng quản trị:

37.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được trúng cử phải đạt ít nhất 65% số phiếu tính theo số lượng cổ phần có mặt, bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử những người tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty.

Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và 04 uỷ viên. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị, bằng thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với đa số phiếu chấp thuận (tính theo số thành viên Hội đồng quản trị).

37.2- Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

37.2.1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;

37.2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;

37.2.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

37.2.4. Quyết định phương án đầu tư. Hội đồng quản trị quyết định đầu tư các dự án phát sinh không vượt quá 30% vốn điều lệ và được duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

37.2.5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng

hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

- 37.2.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý bao gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý thuộc Hội đồng quản trị; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đó. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty.
 - 37.2.7. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp. Quyết định về quy chế tuyển dụng, cho thôi việc của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty;
 - 37.2.8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 37.2.9. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - 37.2.10. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
 - 37.2.11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội cổ đông thông qua quyết định;
 - 37.2.12. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán;
 - 37.2.13. Kiến nghị tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - 37.2.14. HĐQT có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.
 - 37.2.15. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong phạm vi gây thiệt hại cho Công ty;
 - 37.2.16. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh qui định tại khoản 16.6 của Điều 16.
- 37.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 38 : Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị:

- 38.1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị với đa số phiếu theo thể thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

38.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ;
- Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty;
- Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình.
- Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

38.3 Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền cho 1 thành viên HĐQT thay mặt đảm trách việc quản trị Công ty.

38.4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không uỷ quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- 38.4.1. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- 38.4.2. Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- 38.4.3. Tham dự phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;
- 38.4.4. Thực hiện Điều lệ của Công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;
- 38.4.5. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

38.5. Một trong số các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc.

Điều 39 : Hoạt động của Hội đồng quản trị:

39.1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 2 tháng một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 3 tháng.

39.2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc không phải thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 4/5 tổng số thành viên trở lên dự họp.

39.3. Các hình thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp biểu quyết trực tiếp hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua văn bản.

39.3.1. Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị họp lệ khi có từ 4/5 thành viên trở lên tham dự .

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số thành viên tham dự chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

39.3.2 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với hình thức hỏi ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp thông qua quyết định của HĐQT bằng thư tín và fax thì quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định phía có ý kiến nhất trí của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

Trong trường hợp thông qua với hình thức hỏi ý kiến bằng văn bản, các thành viên HĐQT phải nhận được:

- Danh mục các vấn đề cần được hỏi ý kiến.
- Phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày gửi phiếu hỏi ý kiến đến các thành viên HĐQT, Người tổ chức lấy ý kiến và Thường trực của HĐQT phải tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản về kết quả kiểm phiếu và thông báo kết quả hỏi ý kiến đến tất cả các thành viên HĐQT.

39.4- Mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT trong mỗi phiên họp đều phải ghi thành biên bản và phải được thông qua các thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

39.5- HĐQT sử dụng bộ máy quản lý của Công ty để thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của mình. Khi Chủ tịch HĐQT yêu cầu, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ, chuyên gia thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT.

Điều 40 : Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:

- 40.1. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 40.2. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 41 : Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

- 41.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 41.2 Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42 : Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị:

- 42.1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.
- 42.2. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 43 : Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- 43.1 Cổ đông là thể nhân sở hữu số cổ phần từ 1% vốn điều lệ trở lên hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên.
- 43.2. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có hiểu biết pháp luật.
- 43.3. Có sức khỏe có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, đặc biệt phải tận tâm vì doanh nghiệp.
- 43.4. Không thuộc các đối tượng cấm của pháp luật.

Điều 44: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- 44.1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc thay thế trong các trường hợp sau:
- Chết.

- Vi phạm các quy định cấm của pháp luật;
- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự ;
- Từ chức, từ nhiệm (nếu có lý do chính đáng);
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
- Vi phạm Điều lệ Công ty, không còn khả năng đảm nhiệm công việc và theo đề nghị của ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm.

44.2- Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45 : Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị:

- 45.1. Chủ tịch, ủy viên Hội đồng quản trị muốn từ chức, từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và quyết định.
- 45.2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thì HĐQT cử 1 thành viên trong HĐQT thay thế đảm nhiệm công việc cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- 45.3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm tới 2 người thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung.

Trong các trường hợp khác Đại hội đồng cổ đông gần nhất sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 46 : Tổng Giám đốc:

- 46.1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 46.2. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- 46.3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành Công ty.

Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 47 : Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty có đủ các điều kiện sau:

- 47.1. Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật; có ít nhất 10 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.

- 47.2. Không thuộc các đối tượng cấm theo quy định của pháp luật.
- 47.3. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.
- 47.4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt.

Điều 48 : Chức năng và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:

- 48.1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- 48.2. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;
- 48.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch, kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn;
- 48.4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm; các quy chế điều hành quản lý Công ty; quy chế tài chính, quy chế lao động tiền lương; quy chế sử dụng lao động v.v..., kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức Công ty;
- 48.5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;
- 48.6. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- 48.7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các trưởng phòng ban, các chức danh tương đương và cán bộ nhân viên dưới quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức;
- 48.8. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT;
- 48.9. Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định và qui định tại Điều 50 của Điều lệ này;
- 48.10. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; cung cấp đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu HĐQT, chuẩn bị các tài liệu cho các cuộc họp HĐQT;
- 48.11. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.

Điều 49 : Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

- 49.1. Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của Công ty theo pháp luật và có quyền quyết định cao nhất về việc điều hành Công ty;

- 49.2. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát;
- 49.3. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động theo quy chế của Hội đồng quản trị phù hợp với Bộ Luật Lao động;
- 49.4. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
- 49.5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- 49.6. Chịu sự kiểm tra giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện điều hành của Công ty.
- 49.7. Đề xuất các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty để Hội đồng quản trị quyết định. Quyết định bổ nhiệm các chức danh khác trong hệ thống quản lý của Công ty.

Điều 50 : Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận:

- 50.1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền được biểu quyết và với người có liên quan của họ (Điều 4.17 Luật doanh nghiệp) chỉ được ký kết theo quy định sau:
 - 50.1.1. - Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký.
 - Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan (Điều 4.17 Luật doanh nghiệp) là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
 - 50.1.2. - Đối với các hợp đồng có giá trị từ 30% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký.
 - Thành viên Hội đồng quản trị hoặc cổ đông có liên quan (Điều 4.17 Luật doanh nghiệp) là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
- 50.2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 50.1 điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng

đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường.

Điều 51 : Ủy quyền - ủy nhiệm:

- 51.1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
- 51.2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
- 51.3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 52 : Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách:

- 52.1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị trước 30 ngày.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định;

- 52.2. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân;
- Tự ý bỏ nhiệm sở;
- Vi phạm Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- 52.3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách, HĐQT phải tạm cử người thay thế.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 53 : Nghĩa vụ người quản lý Công ty :

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- 53.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, hợp pháp và chỉ hành động trong phạm vi được giao vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
- 53.2. Phải quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh nhằm bảo vệ và phục vụ lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty.

Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác, không được đem tài sản của Công

ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị cho phép.

53.3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

53.3.1 Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;

53.3.2 Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;

53.3.3 Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ tại điểm 53.4.1, 53.4.2 Điều này;

53.3.4 Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

53.4. Các nghĩa vụ khác do Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 54 : Ban Kiểm soát:

54.1. Ban Kiểm soát là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.

54.2. Ban Kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với điều kiện có tổng số phiếu 65% số cổ phần của cổ đông có mặt trở lên chấp thuận bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.

54.3. Các thành v

iên Ban Kiểm soát bầu Trưởng ban Kiểm soát.

Điều 55: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Kiểm soát:

55.1. Cổ đông là đại diện pháp nhân sở hữu số cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc thể nhân là chủ sở hữu số cổ phần từ 0,4% vốn điều lệ trở lên.

55.2. Có trình độ, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty có sức khỏe, trung thực. Có ít nhất một thành viên trong Ban Kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán.

55.3. Thành viên Ban Kiểm soát không được là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; không thể là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

55.4. Không thuộc các đối tượng cấm của pháp luật

Điều 56 : Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát:

56.1. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 45 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

56.2. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp bằng phiếu kín.

Điều 57 : Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:

57.1. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát;

57.2. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban Kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

57.2.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;

57.2.2. Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông đại diện sở hữu từ 10% vốn điều lệ trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

57.2.3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và ý kiến lên Đại hội đồng cổ đông.

57.2.4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

57.2.5. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát;

57.2.6. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

57.2.7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất ;

57.2.8. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.

57.3. Các thành viên Ban Kiểm soát hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 58 : Cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát:

Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 59 : Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát:

- 59.1- Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức hoặc từ nhiệm đều phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị.
- 59.2- Thành viên Ban Kiểm soát bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 59.3- Trường hợp khuyết Trưởng Ban Kiểm soát thì số thành viên còn lại cử người thay thế.
- 59.4- Trường hợp khuyết thành viên kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu bổ sung.

Điều 60 : Yêu cầu về kiểm toán:

Trong các trường hợp cơ quan pháp luật có yêu cầu thì báo cáo tài chính hàng năm phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Điều 61 : Công khai thông tin về Công ty:

- 61.1- Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 61.2- Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.
- 61.3- Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Chương V

**CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ
QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Điều 62 : Chế độ và quyền lợi của người lao động:

- 62.1. Chế độ tuyển dụng

Hội đồng quản trị ấn định mức tối đa tổng số nhân viên và quỹ lương Công ty. Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

62.2- Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty

Khi Doanh nghiệp có quyết định chuyển thành Công ty cổ phần thì Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có trách nhiệm :

- Tiếp tục thực hiện những cam kết trong Hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể đã được ký kết trước đó cho đến khi hết hạn hoặc thương lượng để thay đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc ký kết hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể mới.
- Thực hiện các chế độ theo quy định tại Điều lệ bảo hiểm xã hội Việt Nam, bộ Luật lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo pháp luật và được Công ty cam kết thực hiện.
- Căn cứ vào danh sách dự kiến đào tạo do nhu cầu thay đổi điều kiện sản xuất, nhu cầu cần cải tiến và kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành, Công ty quyết định cử người lao động đi đào tạo, đào tạo lại trong các cơ sở đào tạo. Trong thời gian này công ty tiếp tục trả lương cho người lao động, mức lương do hai bên thoả thuận.

Chương VI

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 63 : Hạch toán:

63.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 năm đó.

63.2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán.

63.3. Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông :

- Bản cân đối kế toán của Công ty ;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

63.4- Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty (hoặc Phòng Tổng hợp) theo quy định tại Điều 12 Luật doanh nghiệp.

Điều 64 : Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

64.1- Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm :

- Lợi nhuận chung = Tổng doanh thu - Tổng chi phí
- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế

64.2- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ

- a. Quỹ dự trữ bắt buộc : ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ sung vốn điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.
- b. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
 - Quỹ đầu tư phát triển
 - Quỹ trợ cấp mất việc
 - Quỹ khen thưởng
 - Quỹ phúc lợi v.v...

64.3- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

64.4- Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 6 tháng.

Điều 65 : Xử lý kinh doanh thua lỗ:

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời các giải pháp :

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau; đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

Chương VII

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH CHẤP

Điều 66 : Giải thể Công ty:

Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng giải thể trong các trường hợp sau :

- 66.1- Trường hợp Công ty bị lỗ đến 3/4 vốn điều lệ, yêu cầu giải thể Công ty của cổ đông được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ;
- 66.2- Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị đề nghị giải thể và được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua;
- 66.3- Quyết định của toà án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ;
- 66.4- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 66.5- Khi hết hạn hoạt động quy định tại Điều 7 mà Đại hội đồng cổ đông không quyết định gia hạn.

Điều 67 : Thủ tục giải thể doanh nghiệp:

Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ giải thể Công ty theo các thủ tục và quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 68 : Tố tụng, tranh chấp:

- 68.1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
- 68.2. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
- 68.3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 69 : Điều khoản thi hành:

Công ty Cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng được chính thức hoạt động khi hoàn tất các thủ tục sau đây :

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước ;
- Đại hội đồng cổ đông thành lập đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ;
- Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị đã cử Tổng Giám đốc điều hành;
- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.

Điều 70 : Bảo quản sử dụng con dấu và tài liệu:

- 70.1. Con dấu của Công ty cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại các cơ quan quản lý theo quy định.
- 70.2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Con dấu được lưu giữ tại Văn phòng (Phòng Tổng hợp) của Công ty.

Công ty phải lưu giữ bảo quản các tài liệu tại trụ sở chính của Công ty theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 71 : Đăng ký Điều lệ:

Bản Điều lệ này gồm 8 chương, 72 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng thông qua ngày 23/12/2006; **được sửa đổi, bổ sung lần 1 và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 09/5/2008**; được sửa đổi, bổ sung lần 2 và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 22/3/2009; *được sửa đổi, chỉnh lý, bổ sung lần 3 và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014.*

Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước, thành phố Hà Nội.
- 03 bản đăng ký tại các cơ quan quản lý Nhà nước.
- 02 bản lưu giữ tại Văn phòng Công ty CP Tin học và Tư vấn xây dựng.
- 03 bản lưu tại Hội đồng quản trị, 01 bản lưu tại Ban Kiểm soát.

Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 72 : Hướng dẫn thi hành:

- 72.1- Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ để hướng dẫn thi hành Điều lệ này nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 72.2- Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát việc tuân thủ Điều lệ này./.